

Số: 272/BC -UBND

Chi Lăng Nam, ngày 29 tháng 12 năm 2023

## BÁO CÁO

**Kết quả thu, chi ngân sách năm 2023;**  
**Dự toán thu chi ngân sách năm 2024**  
*(Trình kỳ họp thứ 6, HĐND xã khoá XX)*

### I. BÁO CÁO THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

Thực hiện quyết định số1568/QĐ-UBND, ngày 25/12/2022 của UBND huyện Thanh Miện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2023;

Năm 2023 được sự quan tâm của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự lãnh đạo trực tiếp của BCH Đảng bộ, sự giám sát của HĐND xã và sự phối kết hợp của các ban ngành, đoàn thể trong xã. Kết quả thực hiện kế hoạch thu- chi ngân sách năm 2023 đã đạt được như sau:

#### 1. Thu ngân sách năm 2023

STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/DT (%)
	<b>Tổng số thu ngân sách xã (A+B+C)</b>	<b>8.041.378.000</b>	<b>14.751.509.530</b>	<b>183,4%</b>
<b>A</b>	<b>Các khoản thu cân đối chi thường xuyên (I+II)</b>	<b>610.200.000</b>	<b>5.239.405.530</b>	<b>858,6%</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	<b>467.000.000</b>	<b>5.049.146.530</b>	<b>1081,2%</b>
1	Phí, lệ phí	32.000.000	64.065.000	200,2%
2	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	400.000.000	400.000.000	100,0%
3	Thu khác	35.000.000	331.000.000	945,7%
4	Thu chuyển nguồn từ 2022 - 2023		4.254.081.530	
<b>II</b>	<b>II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>143.200.000</b>	<b>190.259.000</b>	<b>132,9%</b>
1	Thuế nhà đất	34.000.000	55.264.000	162,5%
2	Thuế môn bài từ các hộ kinh doanh	4.000.000	4.750.000	118,8%
3	Lệ phí trước bạ nhà đất	50.000.000	38.550.000	77,1%
4	Thuế thu nhập cá nhân	18.400.000	21.915.000	119,1%
5	Thuế giá trị gia tăng	36.800.000	69.780.000	189,6%
<b>B</b>	<b>Tiền sử dụng đất (20%)</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>707.145.000</b>	<b>23,6%</b>
<b>C</b>	<b>Thu bổ sung từ NS cấp trên</b>	<b>4.295.487.000</b>	<b>8.669.268.000</b>	<b>201,8%</b>
1	Bổ sung cân đối từ NS cấp trên	4.295.487.000	4.295.487.000	100,0%



STT	Nội dung	Dự toán giao năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/DT (%)
2	Bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	0	4.373.781.000	
D	Dự phòng Ngân sách xã	135.691.000	135.691.000	100,0%

## 2. Chi ngân sách xã năm 2023:

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/DT (%)
A	B	1	3	4
	<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	<b>8.041.378.000</b>	<b>12.411.335.760</b>	<b>154,3%</b>
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	8.041.378.000	12.411.335.760	154,3%
I	<b>Chi đầu tư phát triển (1)</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>6.941.000.000</b>	<b>231,4%</b>
1	Chi SN Giáo dục	1.500.000.000	2.341.000.000	156,1%
2	Chi Sn Giao thông	1.000.000.000	2.400.000.000	240,0%
3	Chi SN ANTT	500.000.000	2.200.000.000	440,0%
4	Chi trả các công trình XDCB khác			
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.905.687.000</b>	<b>5.334.644.760</b>	<b>108,7%</b>
1	<b>Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự</b>	<b>389.369.120</b>	<b>443.246.790</b>	<b>113,8%</b>
1.1	Chi dân quân tự vệ	299.719.120	291.236.790	97,2%
1.2	Chi an ninh trật tự	89.650.000	152.010.000	169,6%
2	Chi sự nghiệp giáo dục	13.500.000	13.500.000	100,0%
3	Chi sự Y tế	13.500.000	30.950.000	229,3%
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	22.500.000	22.500.000	100,0%
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	15.300.000	15.300.000	100,0%
6	Chi sự nghiệp Đài truyền thanh	54.184.000	69.132.300	127,6%
7	Sự nghiệp giao thông	22.500.000	22.500.000	100,0%
8	Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi - hải sản	23.500.000	27.714.000	117,9%
9	Chi Sự nghiệp Môi trường	22.500.000	30.000.000	133,3%
10	Chi Xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư	15.000.000	15.000.000	100,0%
11	<b>Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>4.313.833.880</b>	<b>4.644.801.670</b>	<b>107,7%</b>
11.1	Quản lý nhà nước	2.726.518.620	3.006.983.000	110,3%
11.1.1	Văn phòng UBND	2.422.504.620	2.690.969.000	111,1%
11.1.2	Văn phòng HĐND	304.014.000	316.014.000	103,9%
11.2	Chi hoạt động của Đảng	557.704.240	570.366.920	102,3%
11.3	Chi hoạt động Đoàn thể	673.645.020	702.026.750	104,2%
11.3.1	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	201.430.500	208.450.200	103,5%



STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/DT (%)
11.3.2	Đoàn Thanh niên CSHCM	130.739.850	135.750.500	103,8%
11.3.4	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam	113.136.020	117.145.300	103,5%
11.3.5	Hội cựu chiến binh Việt Nam	85.209.500	92.450.600	108,5%
11.3.6	Hội Nông dân Việt Nam	143.129.150	148.230.150	103,6%
12	Chi khác	67.966.000	71.975.000	105,9%
13	Sự nghiệp xã hội	288.000.000	293.450.000	101,9%
13.1	Hưu xã và trợ cấp khác	228.000.000	233.450.000	102,4%
13.2	Chi sự nghiệp xã hội khác	60.000.000	60.000.000	100,0%
III	Dự phòng	135.691.000	135.691.000	100,0%
B	Chi ngân sách xã chưa qua Kho bạc			

### 3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công ngân sách huyện năm 2023

Tại kỳ họp thứ 5 của HĐND xã khóa XX, UBND xã đã trình HĐND xã thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023, vốn ngân sách xã, cụ thể như sau:

- Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2023 đối với 01 dự án, số tiền 2.000.000.000 đồng, gồm: Dự án cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn xóm (Công trình đột phá):

- Bổ sung kế hoạch vốn năm 2023 cho các dự án, công trình của xã còn thiếu vốn, tổng số tiền 5,2 tỷ đồng, gồm: DA Nhà làm việc Công an xã 2,2 tỷ đồng; DA Cải tạo, nâng cấp đường GTĐ 1,4 tỷ đồng; DA Xây nhà hiệu bộ Trường Mầm Non 600 triệu đồng; DA Cải tạo đường GTNT thôn xóm (Theo chương trình đột phá) 1,0 tỷ đồng;

### 4. Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách huyện năm 2023

- Nguồn dự phòng ngân sách xã năm 2023 bố trí là 135.691.000 đồng;

- Tổng nguồn kinh phí dự phòng đã phân bổ làm đường bãi rác trung tâm xã và sửa chữa sân UBND xã là 135.691.000 bằng 100% dự toán được giao.

## 5. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 5.1. Về nhiệm vụ thu ngân sách

Năm 2023, mặc tình hình bất ổn về kinh tế vĩ mô đã ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhân dân cũng như kinh tế xã hội của địa phương. Song, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành tập trung, quyết liệt của chính quyền và nhất là sự nỗ lực cố gắng của các cơ quan ban ngành địa phương và CBCC xã nhà, kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 đã đạt và vượt so với kế hoạch được giao.

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023 ước đạt: 14.751.509.530 = 183,4% kế hoạch, bằng 76,2% so với năm 2022; trong đó, một số chỉ tiêu thu chủ yếu như: Thu khác đạt trên 950%; thu phí và lệ phí đạt trên 200%; thu thuế GTGT đạt 189% và các khoản thu thuế thu nhập cá nhân, thuế nhà đất đều vượt kế hoạch giao.

Trong năm UBND xã đã nhận được ý kiến cử cử tri và nhân dân có nhiều ý kiến kiến nghị giảm giá thầu khoán do hiện nay chăn nuôi dịch bệnh thua lỗ, các ao vùng ô



nhiểm, dịch bệnh, giá cả bấp bênh. Đây là khó khăn cho nguồn thu ngân sách của địa phương trong những năm tới.

## 5.2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

Tổng chi ngân sách xã năm 2023 ước : 12.411.335.760đ thực hiện bằng 154,3% so với dự toán giao đầu năm; trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản bằng 231,4% dự toán; chi thường xuyên bằng 108,7% dự toán; chi dự phòng bằng 100% so với dự toán giao.

- Chi đầu tư XDCB ngân sách xã ước bằng 231,4% so với dự toán năm là do: ngoài chi từ nguồn tiền đất theo kế hoạch vốn giao đầu năm và nguồn chuyển nguồn năm 2022 sang; trong năm xã còn chi từ nguồn ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ: Trong đó hỗ trợ xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 2,0 tỷ; hỗ trợ xây nhà làm việc công an 2,2 tỷ; hỗ trợ làm đường giao thông thôn xóm 1,0 tỷ.

- Chi thường xuyên ngân sách xã tăng 8,7% so với dự toán là do ngoài chi từ dự toán kinh phí được giao; trong năm xã được ngân sách huyện bổ sung kinh phí hỗ trợ mua giá giống cho nông dân; hỗ trợ thực hiện máy cấy; hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất khu nhà làm việc 1 cửa và nhà làm việc công an xã .v.v.

Nhìn chung năm 2023, Ban tài chính xã tham mưu cho UBND xã đã bám sát kế hoạch phân bổ dự toán ngân sách của HĐND xã phê duyệt và các nhiệm vụ chính trị, kinh tế của địa phương để tham mưu điều hành chi ngân sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đảm bảo đủ ngân sách phục vụ cho hoạt động của bộ máy Đảng, chính quyền, các đoàn thể và các phong trào của địa phương. Ngoài ra còn đảm bảo ngân sách chi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Đến 20/12/2023 đã thực hiện hoàn thành và vượt dự toán chi ngân sách năm 2023, các nhiệm vụ chi đảm bảo nguyên tắc chi đúng, chi đủ, chi kịp thời và hiệu quả.

## II. DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024.

### 1. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024:

Tổng thu NSNN năm 2024 huyện giao 6.378.972.000 đồng, giảm 2,5% so với năm 2023. Dự toán thu NSNN năm 2024 xã xây dựng 6.378.972.000 đồng, bằng 100% so với dự toán Huyện giao. Số liệu cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Dự toán UBND huyện giao	Dự toán HĐND xã giao
	<b>Tổng số thu ngân sách xã (A+B+C)</b>	<b>6.378.972.000</b>	<b>6.378.972.000</b>
A	<b>Các khoản thu cân đối chi TX (I+II+III)</b>	<b>570.200.000</b>	<b>570.200.000</b>
I	<b>Các khoản thu do xã thu</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
1	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	400.000.000	400.000.000
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>216.200.000</b>	<b>216.200.000</b>
1	Phí, lệ phí (100%)	28.000.000	28.000.000
2	Thuế nhà đất (100%)	54.500.000	54.500.000
3	Lệ phí môn bài từ các hộ kinh doanh (100%)	4.000.000	4.000.000



STT	Nội dung	Dự toán UBND huyện giao	Dự toán HĐND xã giao
4	Thuế thu nhập cá nhân (80%)	22.900.000	22.900.000
5	Thuế giá trị gia tăng (50%)	45.800.000	45.800.000
6	Lệ phí trước bạ nhà đất (100)	31.000.000	31.000.000
<b>III</b>	<b>Thu khác</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
1	Thu các khoản khác	30.000.000	30.000.000
2	Thu chuyển nguồn		
<b>B</b>	<b>Tiền sử dụng đất (15%)</b>	<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
<b>C</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.335.487.000</b>	<b>4.335.487.000</b>
1	Bổ sung cân đối từ ngân sách	4.878.392.000	4.878.392.000
2	Bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên		
<b>D</b>	<b>Dự phòng Ngân sách xã</b>	<b>134.380.000</b>	<b>134.380.000</b>

## 2. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2024

Tổng chi ngân sách xã năm 2024 huyện giao là **6.378.972.000**, bằng 97,5% so năm 2023 (trong đó: Chi đầu tư XDCB giảm 50%; chi thường xuyên tăng 11,47%). UBND xã phân bổ và giao bằng 100% số huyện giao. Số liệu cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ</b>	<b>6.378.972.000</b>
<b>I</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>5.494.592.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp xã hội, giao= (1.1 + 1.2)</b>	<b>293.000.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi cho con người</b>	<b>228.000.000</b>
	+ Lương hưu xã.	205.020.000
<b>1.2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>65.000.000</b>
	+ Chi Tết trung thu; ngày quốc tế thiếu nhi 1/6; Kỉ niệm ngày TBLN 27/7; ...	65.000.000
<b>1.3</b>	<b>Tiết kiệm chi TX 10%</b>	<b>6.500.000</b>
	Thực chi sự nghiệp xã hội = 1- 1.3	286.500.000
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục; TTHTCD giao =(2.1+2.2)</b>	<b>16.000.000</b>
<b>2.1</b>	<b>Chi phụ cấp ban giám đốc TTHTCD</b>	<b>3.000.000</b>
<b>2.2</b>	<b>Chi hoạt động</b>	<b>13.000.000</b>
<b>2.3</b>	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên</b>	<b>1.000.000</b>
	Thực chi sự nghiệp giáo dục = 1- 1.3	15.000.000
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp Y tế =(2.1+2.2)</b>	<b>13.000.000</b>
<b>3.1</b>	<b>Chi hoạt động</b>	<b>13.000.000</b>
<b>3.3</b>	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên</b>	<b>1.000.000</b>
	Thực chi sự nghiệp Y tế=2-2.3	12.000.000



4	Chi sự nghiệp văn hoá, văn nghệ giao = (3.1)	31.000.000
4.1	Chi hoạt động	25.000.000
	Chi hỗ trợ văn hóa văn nghệ các thôn (2trđ/thôn)	6.000.000
4.2	Tiết kiệm chi TX 10%	2.500.000
	Thực chi sự nghiệp văn hoá, văn nghệ = (3.1 - 3.2)	28.500.000
5	Chi sự nghiệp truyền thanh giao= (4.1 + 4.2)	76.600.000
5.1	Chi cho con người	56.600.000
	Chi trả phụ cấp trưởng đài: (01 người) Hệ số 1,4 x x 1.800đồng/tháng x 12 tháng	30.240.000
	Chi trả phụ cấp biên tập viên đài: (01ng) Hệ số 0,85 x 1.800đồng/tháng x 12 tháng	18.360.000
	Chi BHXH, BHYT	8.000.000
5.2	Chi thường xuyên	20.000.000
	Chi sửa chữa+ hoạt động	20.000.000
5.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	2.000.000
	Thực chi sự nghiệp truyền thanh = (4.) - 4.3	74.600.000
6	Chi sự nghiệp TDTT giao	17.000.000
6.1	Chi hoạt động	17.000.000
6.2	Tiết kiệm chi TX 10%	1.700.000
	Thực chi sự nghiệp TDTT	15.300.000
7	Chi sự nghiệp kinh tế = (6.1+6.2+6.3+6.4)	110.740.000
7.1	Hoạt động của ban thú y giao= (6.1.1+6.1.2)	35.740.000
7.1.1	Chi cho con người	30.240.000
	Phụ cấp nhân viên thú y: Hệ số:1,4 x 1.800đồng/tháng x 12tháng	30.240.000
7.1.2	Chi hoạt động:	5.500.000
	Vắcxin tiêm phòng	5.500.000
7.1.3	Tiết kiệm chi TX 10%	500.000
	Thực chi Hoạt động của ban thú y = (6.1.1)	35.240.000
7.2	Hoạt động giao thông = (6.2.1 - 6.2.2)	25.000.000
7.2.1	Chi hoạt động	25.000.000
7.2.2	Tiết kiệm chi TX 10%	2.500.000
	Thực chi Hoạt động giao thông = (6.2.1 - 6.2.2)	22.500.000
7.3	Hoạt động nông nghiệp - thuỷ lợi = (6.3.1	25.000.000
7.3.1	Chi hoạt động	25.000.000
7.3.2	Tiết kiệm chi TX 10%	2.500.000
	Hoạt động thuỷ lợi = (6.3.1-6.3.2)	22.500.000
7.4	Công tác môi trường = (6.4.1)	25.000.000



7.4.1	Chi hoạt động	25.000.000
7.4.2	Tiết kiệm chi TX 10%	2.500.000
	Công tác môi trường = (6.4.1-6.4.2)	22.500.000
8	Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	4.412.789.220
8.1	Hoạt động HDND xã = (8.1.1 + 8.1.2) - 8.1.3	346.480.000
8.1.1	Chi cho con người	276.480.000
	Lương: Hệ số 3,0 x 1.800đ/tháng x 12 tháng	64.800.000
	Phụ cấp 25% công vụ	16.200.000
	Phụ cấp TB, PB kinh tế, Ban pháp chế HDND xã: Hệ số: 0,6 x 1.800đ/tháng x 12 tháng	12.960.000
	Phụ cấp Đại biểu HDND xã: Hệ số: 0,3 x 24 đại biểu x 1.800đ/tháng x 12 tháng	155.520.000
	BHYT cho DB HDND: (4,5% mức lương cơ bản) 08 người x 4,5%*1.800đồng/tháng* 12 tháng	9.000.000
	BHXH, BHYT, KPCD:	18.000.000
8.1.2	Chi hoạt động	70.000.000
	Hoạt động thường xuyên	70.000.000
8.1.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	7.000.000
	Thực chi Hoạt động HDND xã = (7.1) - 7.1.3	339.480.000
8.2	Hoạt động UBND xã=(8.2.1 + 8.2.2) - 8.2.3	2.440.998.220
8.2.1	Chi cho con người	1.858.676.880
	Lương cán bộ UBND xã: Hệ số 44.26 x 1,800đ/tháng x 12 tháng	956.016.000
	BHXH, BHYT, KPCD (LCB x 30,5%)	291.584.880
	Phụ cấp 25% công vụ	239.004.000
	Phụ cấp thường thôn:	141.912.000
	Hệ số: 2,1*1.800đồng/tháng x 12 tháng*3người	
	Phụ cấp phó thôn:	64.800.000
	Hệ số 1,0*1.800đồng/tháng*3người*12tháng	
	Công tác phí CBCC: 2,7đ/tháng x 12 tháng	32.400.000
	Phụ cấp trách nhiệm Kế toán, thủ quỹ:	12.960.000
	Hệ số 0,3*1.800đồng/tháng*12tháng	
	Các hợp đồng của UBND xã: ( bảo vệ 3,0trđ, DQCCD 3ng x 1tr/người/tháng; bưu tá 1,5 tr, trông coi nghĩa trang liệt sỹ, Phụ văn phòng... =10tr/tháng x 12 tháng)	120.000.000
8.2.2	Chi hoạt động	617.321.340
	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở	8.000.000



	Chi hỗ trợ bộ phận 1 cửa: 300.000đ/tháng x 02 người x 12 tháng	7.200.000
	Chi tiền điện, nước sinh hoạt,	115.000.000
	Chi sửa chữa trang thiết bị máy vi tính, máy in, thiết bị văn phòng khác	65.000.000
	Chi mua VPP và vật tư văn phòng văn phòng khác	75.000.000
	Điện thoại, mạng, báo chí tuyên truyền, hoạt động chuyên môn của UBND, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ thường xuyên TSCĐ	124.621.340
	Hỗ trợ hoạt động các thôn: (Chè nước hội họp + trông coi nhà văn hóa + Đám hiếu + VSMT thôn =8. trđ/thôn	24.000.000
	Chi hỗ trợ Tổ hòa giải các thôn (03 thôn x 500.000đ/thôn)	1.500.000
	Chè nước thường trực + tiếp dân	15.000.000
	Ban chi đạo và công tác xây dựng NTM kiểu mẫu	50.000.000
	Chi hệ thống Iso	12.000.000
	Chi duy trì các phần mềm tin học, công thông tin điện tử; hỗ trợ duy trì công TTPDT xã	55.000.000
	Chi hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy	15.000.000
	Chi hội nghị+ Khen thưởng (Hỗ trợ khác)	50.000.000
8.2.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	35.000.000
	<b>Thực chi Hoạt động UBND xã=(7.2.1 - 7.2.3</b>	<b>2.405.998.220</b>
8.3	<b>Hoạt động của Đảng bộ = (8.3.1 + 8.3.2) - 8.3.3</b>	<b>693.500.800</b>
8.3.1	<b>Chi cho con người</b>	<b>617.500.800</b>
	Lương: Hệ số 8,4 x 1.800đồng/tháng x 12 tháng	181.440.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	58.060.800
	Phụ cấp 25% công vụ	45.360.000
	Công tác phí:	10.800.000
	Phụ cấp Bí thư chi bộ hệ số 2,1 x 3 ng x 1.800 x12 tháng	141.264.000
	Phụ cấp phó tuyên giáo 0,3 + Phó CNUBND 1,4: hệ số 1,7*1.800đồng/tháng x 12 tháng	36.720.000
	+ Phụ cấp cấp ủy Đảng 15 người x 0,3*1.800 x 12 th	97.200.000
	+ Phụ cấp kiêm nhiệm: Trưởng BTG 0,4 + TB dân vận 0,4 + CNUBND 0,4: = 1,2*1.800đồng/tháng*12tháng	25.920.000
	Phụ cấp ủy viên UBND đảng ủy:	
	Hệ số: 0,2 x 1.800đ/tháng x 12tháng x3 người	14.256.000
	Phụ cấp công tác đảng Bí thư, Phó bí thư, văn phòng	
	Hệ số 0,1*1.800đ/tháng*12tháng*3người	6.480.000



8.3.2	<b>Chi hoạt động</b>	<b>76.000.000</b>
	Chi hoạt động thường xuyên	70.000.000
	Hoạt động lễ ban vận	6.000.000
8.3.3	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên 10%</b>	<b>7.000.000</b>
	Thực chi hoạt động Đảng = (7.3.1 + 7.3.2)	686.500.800
8.4	<b>Mặt trận tổ quốc Việt Nam = (7.4.1+7.4.2)</b>	<b>333.758.000</b>
8.4.1	<b>Chi cho con người</b>	<b>256.158.000</b>
	Lương: 3,53 x 1.800 x 12 tháng	76.248.000
	Phụ cấp 25% công vụ	19.062.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	12.168.000
	· Công tác phí	1.800.000
	Phụ cấp PCT:	30.240.000
	Hệ số: 1,4 * 1 người 1.800đ x 12 tháng	
	Phụ cấp 03 Trưởng ban công tác mặt trận thôn Hệ số: 1,8 * 3 người 1.800đ x 12 tháng	116.640.000
8.4.2	<b>Chi hoạt động</b>	<b>78.100.000</b>
	Ban công tác MT các thôn (6 trđ/thôn*3thôn)	18.000.000
	Chi hoạt động thường xuyên	13.500.000
	Chi hỗ trợ các cuộc tuyên truyền vận động xây dựng NTM và đời sống văn hóa khu dân cư (Chung của xã)	15.000.000
	Chi ban chi đạo toàn dân DKXD đời sống văn hóa	5.000.000
	Đại hội MTTQ xã nhiệm kỳ 2024-2029	20.000.000
	Chi báo đại đoàn kết	1.600.000
8.4.3	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên 10%</b>	<b>7.700.000</b>
	Mặt trận tổ quốc Việt Nam = (7.4.1+7.4.2)	326.558.000
8.5	<b>Đoàn Thanh niên = (7.5.1+7.5.2)</b>	<b>182.984.200</b>
8.5.1	<b>Chi cho con người</b>	<b>137.284.200</b>
	Lương: 2.65 x 1.800đ x 12 tháng	57.240.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	18.603.000
	Phụ cấp 25% công vụ	14.310.000
	BHXH phó bí thư đoàn	4.291.200
	Công tác phí 150,000đ/tháng	1.800.000
	Phụ cấp phó bí thư Đoàn: hệ số 1,4*1.800*12tháng	30.240.000
	Phụ cấp bí thư chi đoàn thôn: 300.000đ/người *3người*12th	10.800.000
7.5.2	<b>Chi hoạt động</b>	<b>52.700.000</b>
	Hoạt động hè	25.000.000
	Hoạt động thường xuyên	13.500.000
	Hoạt động tháng thanh niên	7.000.000



	Chi cho các chi đoàn thôn (2.400.000đồng/chi đoàn)	7.200.000
7.5.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	4.570.000
	Thực chi Đoàn Thanh niên = (7.5.1+7.5.2)	185.414.200
8.6	Hội Liên hiệp Phụ nữ = (8.6.1+8.6.2)-8.6.3	166.476.400
8.6.1	Chi cho con người	145.776.400
	Lương: 2,82 x 1.800 x 12 tháng	60.912.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	19.796.400
	Phụ cấp 25% công vụ	15.228.000
	Công tác phí	1.800.000
	Phụ cấp chi hội trưởng 3 chi hội thôn: 300.000đ/người*3người*12th	10.800.000
	Phụ cấp phó chủ tịch : Hsố: 1,4*1.800*12tháng	30.240.000
	BHXH, BHYT Phó CT Phụ Nữ	7.000.000
8.6.2	Chi hoạt động	20.700.000
	Chi hoạt động thường xuyên	13.500.000
	Chi cho các chi hội thôn (2.400.000đồng/chi hội)	7.200.000
8.6.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	2.000.000
	Thực chi Hội Liên hiệp Phụ nữ = (7.6.1+7.6.2)	164.476.400
8.7	Hội Cựu chiến binh =(7.7.1+7.7.2)	128.432.000
8.7.1	Chi cho con người	103.232.000
	Lương: 2,40 x 1.800đ x 12 tháng	51.840.000
	KPCĐ	800.000
	Phụ cấp 25% công vụ	12.960.000
	Công tác phí	1.800.000
	Phụ cấp phó chủ tịch Hội: 1,4*1.800*12tháng	25.032.000
	Phụ cấp chi hội trưởng 3 chi hội thôn: 300.000đ/người*3người*12th	10.800.000
8.7.2	Chi hoạt động	25.200.000
	Chi hoạt động	13.500.000
	Chi hỗ trợ cho câu lạc bộ QN	3.000.000
	Đại hội thi đua cứu cán bộ gương mẫu	10.000.000
	Chi hỗ trợ mua báo chí cho Hội CCB 2024	1.500.000
	Chi cho các chi hội thôn (2.400.000đồng/chi hội)	7.200.000
8.7.3	Tiết kiệm chi thường xuyên 10%	1.500.000
	Thực chi Hội Cựu chiến binh =(7.7-7.7.3)	126.932.000
8,8	Hội Nông dân Việt Nam =(7.8.1+7.8.2)	185.929.600
8.8.1	Chi cho con người	161.229.600
	Lương: 3,48 x 1.800đ x 12 tháng	75.168.000
	BHXH, BHYT, KPCĐ	24.429.600



	Công tác phí	1.800.000
	Phụ cấp 25% công vụ	18.792.000
	Phụ cấp phó chủ tịch Hội: $1,4 * 1.800 * 12$ tháng	30.240.000
	Phụ cấp chi hội trưởng 3 chi hội thôn: $300.000đ/ng * 3ng * 12th$	10.800.000
<b>8.8.2</b>	<b>Chi hoạt động</b>	<b>24.700.000</b>
	Chi hoạt động hội	13.500.000
	Chi hỗ trợ hoạt động BCD thực hiện Kết luận 61 và Quyết định 81 củ TTg về tiếp và giải quyết KNTC của nông dân	1.000.000
	Chi hỗ trợ hoạt động chi hội nghề nghiệp	3.000.000
	Chi chi các chi hội thôn ( $2.400.000đ/đng/chi\ hội$ )	7.200.000
<b>8.8.3</b>	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên 10%</b>	<b>1.500.000</b>
	Thực chi Hội Nông dân Việt Nam $= (7.8 - 7.8.3)$	184.429.600
<b>9</b>	<b>An ninh quốc phòng <math>= (8.1 + 8.2)</math></b>	<b>478.966.780</b>
<b>9.1</b>	<b>Công an <math>= (8.1.1 + 8.1.2)</math></b>	<b>95.950.000</b>
<b>9.1.1</b>	<b>Chi hoạt động</b>	<b>95.950.000</b>
	Chi PC đội dân phòng ( 03 đội trưởng x 650.000đ/tháng + 03 đội phó x 487.500 x 12 tháng)	40.950.000
	Đề án Làng an toàn	5.000.000
	Chi hỗ trợ công tác PCCC	15.000.000
	Hỗ trợ đề án 06	10.000.000
	Chi Hoạt động thường xuyên	25.000.000
<b>9.1.2</b>	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên</b>	<b>2.500.000</b>
	Thực chi Công an $= (8.1 - 8.1.3)$	93.450.000
<b>9.2</b>	<b>Quốc phòng <math>= (8.2.1 + 8.2.2)</math></b>	<b>388.016.780</b>
<b>9.2.1</b>	<b>Chi cho con người</b>	<b>222.863.780</b>
	Lương: $2,34 * 1.800đ/đng/tháng x 12\ tháng$	50.544.000
	BHXH, BHYT, KPCD	16.426.800
	BHXH cho Đ/c chỉ huy phó	9.000.000
	25% phụ cấp công vụ	12.636.000
	Phụ cấp xã đội phó: hệ số: $1,65 * 1.800 x 12\ tháng$	35.640.000
	Phụ cấp Đặc thù Phó chỉ huy trưởng QS xã	17.820.000
	Phụ cấp chính trị viên (chỉ huy trưởng; bí thư): $0,24 * 1.800 * 12th * 2ng$	10.368.000
	Phụ cấp chính trị viên phó; xã đội phó: $0,22 * 1.800 * 12th * 2ng$	9.504.000
	Phụ cấp trung đội trưởng: $0,2 * 1.800 * 12th\ tháng$	4.320.000
	Phụ cấp thôn đội trưởng+ PC đặc thù: $1,5 + 0,12 = 1,62 * 1.800 * 12th\ tháng$	34.992.000



	Phụ cấp tiêu đội trưởng: $0,1 * 1.800 * 12 \text{ tháng} * 3 \text{ ng}$	6.480.000
	Phụ cấp đặc thù trung đội trưởng DQCD: $0,2 * 50\% = 0,1 * 1.800 * 12 \text{ tháng}$	2.160.000
	Phụ cấp TĐT: 7 người x 1.800đ x 12 tháng	10.572.980
	Công tác phí	2.400.000
<b>9.2.2</b>	<b>Chi hoạt động = (a+b+c+d+e+g)</b>	<b>165.153.000</b>
<b>a</b>	<b>Chi huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ</b>	<b>77.364.000</b>
<b>a1</b>	<b>Trợ cấp ngày công lao động</b>	<b>50.064.000</b>
	Chi huấn luyện DQCD: 28 người * 119.200LCB * 12 ngày	40.051.200
	Huấn luyện DQ tại chỗ năm 1: 12ng * 119.200đ * 7 ngày	10.012.800
<b>a2</b>	<b>Hỗ trợ tiền ăn</b>	<b>27.300.000</b>
	Chiến sĩ mới: v 28 ng x 12 ngày * 65.000đ/ngày	21.840.000
	Dân quân tại chỗ: 12ng x 7 ngày * 65.000đ/ngày	5.460.000
<b>b</b>	<b>Chi bảo đảm an ninh, an toàn xã hội ngày lễ, tết</b>	<b>8.289.000</b>
	Chi trực các ngày lễ, tết: 28 người * 10% * 119,200đ * 65.000đ * 15 ngày	8.289.000
<b>c</b>	<b>Chi công tác tuyến quân</b>	<b>18.000.000</b>
<b>d</b>	<b>Chi hoạt động chuyên môn</b>	<b>20.000.000</b>
<b>e</b>	<b>Chi diễn tập phòng thủ</b>	<b>40.000.000</b>
<b>g</b>	<b>Chi tiền báo quân đội hàng ngày</b>	<b>1.500.000</b>
<b>9.2.3</b>	<b>Tiết kiệm chi thường xuyên 10%</b>	<b>2.500.000</b>
	Thực chi Quốc phòng = (8.2-8.2.3)	385.516.780
<b>10</b>	<b>Chi khác (Các hiệp hội đoàn thể khác)</b>	<b>87.128.000</b>
<b>10.1</b>	<b>Hội người cao tuổi</b>	<b>30.300.000</b>
	Chi phụ cấp: 0,6 * 1.800*12	10.800.000
	Khung giấy khen chức thọ	11.230.000
	Chi hoạt động (đã bao gồm kinh phí chức thọ)	8.000.000
<b>10.2</b>	<b>Hội chủ thập đỏ</b>	<b>16.800.000</b>
	Chi phụ cấp: 0,6 * 1.800*12	10.800.000
	Chi hoạt động	4.000.000
	Chi tập huấn tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo	2.000.000
<b>10.3</b>	<b>Hội Khuyến học</b>	<b>16.622.000</b>
	Chi phụ cấp: 0,65 * 1.800*12	11.622.000
	Chi hoạt động	5.000.000
<b>10.4</b>	<b>Hội Thanh niên xung phong</b>	<b>14.676.000</b>
	Chi phụ cấp: 0,65* 1.800*12	11.676.000
	Chi hoạt động	3.000.000
<b>10.5</b>	<b>Hội nạn nhân chất độc da cam</b>	<b>9.000.000</b>



	Chi hoạt động	4.000.000
	Chi Đại hội Hội NNCCDDC	5.000.000
II	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ	134.380.000
III	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN	750.000.000

### III – BÁO CÁO THU – CHI ĐẢO CỎ 2023

#### 1- Kết quả thu dịch vụ tại Đảo cỏ 2023

TT	Nội dung thu	Dự toán giao năm 2023	Thực hiện đến 29/12/2023		Số tiền	Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá dịch vụ		
1	Thu phí người vào tham quan		10.075	5.000	50.375.000	
2	Thu trông giữ xe máy:	46.000.000	8.952	4.000	35.808.000	77,8%
3	Thu trông giữ xe ô tô <5 chỗ	127.500.000	6.499	15.000	97.485.000	76,5%
4	Thu trông giữ xe ô tô 7-16 chỗ	10.400.000	421	20.000	8.420.000	81,0%
5	Thu trông giữ xe ô tô >16 chỗ	5.000.000	165	25.000	4.125.000	82,5%
6	Thu dịch vụ đi thuyền người lớn	690.000.000	21.792	20.000	435.840.000	63,2%
7	Thu dịch vụ đi thuyền trẻ em	155.000.000	14.320	10.000	143.200.000	92,4%
8	Thu dịch vụ đi Thien Nga người lớn	330.000.000	1.899	100.000	189.900.000	57,5%
9	Thu dịch vụ đi Thien Nga trẻ em	40.000.000	251	50.000	12.550.000	31,4%
10	Thu dịch vụ hàng quán	20.000.000			20.000.000	100,0%
11	Thu cho thuê kiốt bán hàng	20.000.000			20.000.000	100,0%
	<b>Cộng tổng thu</b>	<b>1.443.900.000</b>			<b>1.017.703.000</b>	<b>70,5%</b>

#### 2- Kết quả chi tại Đảo cỏ 2023

TT	Nội dung thu	Dự toán giao năm 2023	Thực đến 29/12/2023	Số sánh TH/DT (%)
I	Chi trả công hợp đồng lao động (khoản vé)	421.170.000	284.100.000	67,5%



1	Trên khoản 30% vé thu: (Tổng thu = 947,6trđ x 30% 284,1trđ/vé)	421.170.000	284.100.000	67,5%
<b>II</b>	<b>Chi trả công hợp đồng lao động hưởng dẫn viên + bảo vệ + vệ sinh môi trường</b>	<b>108.000.000</b>	<b>108.000.000</b>	<b>100,0%</b>
1	Trà hàng tháng (Bảo vệ 5trđ; hướng dẫn viên 2 trđ; VSM T 2 trđ = 9trđx 12t = 54.000.000đ)	108.000.000	108.000.000	100,0%
<b>III</b>	<b>Chi trả dịch vụ công (Điện nước)</b>	<b>100.000.000</b>	<b>108.590.000</b>	<b>108,6%</b>
1	Chi trả tiền điện + nước theo hóa đơn: (Bình quân: Điện chiếu sáng đường 7,5trđ/tháng; điện phục vụ khu sinh thái 2trđ/tháng; nước sinh hoạt 500.000đ/tháng)	100.000.000	108.590.000	108,6%
<b>IV</b>	<b>Chi hoạt động thường xuyên</b>	<b>185.800.000</b>	<b>281.430.000</b>	<b>151,5%</b>
1	Chi hội nghị hội thảo, tập huấn, tiếp khách... năm 2023 (Chi Hội nghị tổng kết, triển khai nhiệm vụ 14,5 trđ; chi Tổ dịch vụ tập huấn du nghiệp vụ du lịch về nông nghiệp của sở văn hóa; 3 trđ; Chi tiếp đoàn khách của tỉnh, sở ban ngành, cơ quan bảo chi 6,7trđ)	50.000.000	48.500.000	97,0%
2	Chi mua xà phòng, giấy vệ sinh, công cụ đựng cụ, trang trí phục vụ tại Đảo cò 2023 (Mua giấy vệ sinh 1,5 trđ; xà phòng rửa tay, nước lau sàn 1,8 trđ; chổi 1,25 trđ; mua dây máy bơm nửa ruac sân tưới cây 1,0trđ; thay lõi máy lọc nước, 2,3trđ; thay đầu ghi hình cameda 5 trđ)	24.000.000	20.130.000	83,9%
3	Chi sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động du lịch 2023 (Mua 11 bộ nhông xích xe máy loại to x 300.000đ/bộ; mua 05 bình ác quy 12 von x 2trđ/bình; thay)	24.000.000	18.500.000	77,1%
4	May trang phục cho nhân viên BQL Đảo cò (mua 20 bộ quần áo trang bị Tổ dịch vụ Đảo cò)	15.000.000	10.450.000	69,7%
5	Chi trang trí khánh tiết: Làm biển trang trí tại khu trung tâm; 05 băng rôn qua đường; đèn nháy trang trí khu trung tâm; cờ tổ quốc, cờ hồng kỳ; mua cây Đào trang trí;... dịp tết Nguyên đán 2023 và 30/4-01/5/2023.	30.000.000	45.450.000	151,5%
6	Chi mua: 300 cây Tùng trồng tại đường dạo; 400 cây phi lao + 300 cây keo trồng tại Đảo mới 4C (Tùng 114.000đ/cây; Phi lao + Keo = 10.000đ/cây)	18.000.000	41.200.000	228,9%
7	Chi trả tổ thu gom rác (Mang rác từ Đảo cò đi ra hồ rác tập trung)	2.400.000	2.400.000	100,0%
8	Chi tiền thuê bao Internet tại Đảo cò (Cước 200.000đ/tháng)	2.400.000	2.400.000	100,0%
9	Chi phối hợp với tập chí du lịch và Hiệp hội du lịch tỉnh HD làm phóng sự quảng bá hình ảnh Đảo cò; tiếp Đài truyền hình VTV1 làm phóng sự.	20.000.000	8.500.000	42,5%
10	Chi mua 200 chiếc áo phao phục vụ an toàn cho du khách đi thuyền		15.000.000	



11	Chi hỗ trợ Hội Phụ nữ chăm sóc cây và trồng hoa tại đường đạo Đảo Cò		4.500.000	
12	Chi mua máy 01 máy tính sách tay phục vụ bán vé điện tử		12.500.000	-
13	Mau 01 máy bán vé cảm tay		7.000.000	
14	Mua 01 máy in nhiệt để in vé điện tử		5.200.000	
15	Lắp đặt Internet và cài đặt phần mềm bán vé		300.000	
16	Mua vé điện tử (50.000 vé)		9.500.000	
17	Sửa bôi bán vé và biển phân làn		18.400.000	
18	Mua Brie tự động		11.500.000	
V	<b>Chi khác</b>		<b>188.240.000</b>	
1	Chi làm các điểm nhân tại khuôn viên, đường đạo... phục vụ hoạt động du lịch.	188.240.000		
VI	Nộp thuế GTGT 5% và Thuế DN 5%	140.690.000	95.000.000	67,5%
VII	Lệ phí người vào tham quan đã nộp vào NS xã		46.250.000	
VIII	Ước nộp ngân sách xã	300.000.000		0,0%
	<b>Cộng</b>	<b>1.443.900.000</b>	<b>923.370.000</b>	<b>63,9%</b>

**Cân đối thu chi:**

▪ Tổng thu: = 1.017.703.000đ  
 ▪ Tổng chi: = 923.370.000đ  
 Thu – chi = 94.333.000đ *Chín mươi tư triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*.

(Báo cáo UBND huyện cho phép để tiết kiệm chuyển nguồn sang năm 2024 nhằm thực hiện một số nhiệm vụ cấp thiết)

**VI – KẾ HOẠCH THU – CHI ĐẢO CÒ 2024**

**1- Kế hoạch thu dịch vụ tại Đảo Cò 2024**

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Căn cứ tình hình thực tế, UBND xã dự toán thu như sau:

TT	Nội dung thu	Ước số lượng lượt	Đơn giá dịch vụ	Số tiền	Ghi chú
1	Thu phí người vào tham quan	50.000	5.000	250.000.000	
2	Thu trông giữ xe máy:	9.000	4.000	36.000.000	



3	Thu trông giữ xe ô tô <5 chỗ	8.500	15.000	127.500.000	
4	Thu trông giữ xe ô tô 7-16 chỗ	500	20.000	10.000.000	
5	Thu trông giữ xe ô tô >16 chỗ	200	25.000	5.000.000	
6	Thu dịch vụ đi thuyền người lớn	21.000	20.000	420.000.000	
7	Thu dịch vụ đi thuyền trẻ em	14.000	10.000	140.000.000	
8	Thu dịch vụ đi Thiên Nga người lớn	1.800	100.000	180.000.000	
9	Thu dịch vụ đi Thiên Nga trẻ em	300	50.000	15.000.000	
10	Thu dịch vụ hàng quán	10	2.000.000	20.000.000	
11	Thu cho thuê kiốt bán hàng	4	5.000.000	20.000.000	
<b>Cộng</b>				<b>1.223.500.000</b>	

## 2- Kế hoạch chi tại Đảo cò 2024

TT	Nội dung chi	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chi trả công hợp đồng lao động (khoản vé)</b>	<b>355.050.000</b>	
1	Trên khoản vé (30% tổng thu theo mệnh giá vé)	355.050.000	
<b>II</b>	<b>Chi trả công hợp đồng lao động hướng dẫn viên + bảo vệ + vệ sinh môi trường</b>	<b>108.000.000</b>	
1	Trả hàng tháng (Bảo vệ 5trđ; hướng dẫn viên 2 trđ; VSM 2 trđ = 9trđx 12t)	108.000.000	
<b>III</b>	<b>Chi trả dịch vụ công (Điện nước)</b>	<b>115.000.000</b>	
1	Chi trả tiền điện + nước theo hóa đơn (ước 9,5 triệu/tháng x 12 tháng)	115.000.000	
<b>IV</b>	<b>Chi hoạt động thường xuyên</b>	<b>220.300.000</b>	
1	Chi hội nghị hội thảo, tập huấn,... năm 2024	50.000.000	
2	Chi mua xà phòng, giấy vệ sinh, công cụ dụng cụ, trang trí phục vụ tại Đảo cò 2024 (Khoản 2 triệu đồng/tháng)	24.000.000	
3	Chi sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động du lịch 2024 (Dự toán 2 triệu đồng/tháng)	24.000.000	
4	May trang phục cho nhân viên BQL Đảo cò	15.000.000	



5	Chi trang trí khánh tiết.	40.000.000	
6	Chi chăm sóc hệ thống cây xanh tại khuôn viên Đào cô và các tuyến đường cây xanh	18.000.000	
7	Chi trả tổ thu gom rác (Mang rác từ Đào cô đi ra hố rác tập trung)	2.400.000	
8	Chi tiền thuê bao Internet tại Đào cô	2.400.000	
9	Chi duy trì trang web Đào cô, viết sách, mã QR, quảng bá, báo trí truyền hình,...	20.000.000	
10	Chi Mua vé điện tử (50.000 vé)	9.500.000	
12	Chi mua thêm 150 áo phao	15.000.000	
V	<b>Chi khác</b>	<b>125.150.000</b>	
1	Chi làm đồng thêm thuyền, làm các điểm nhân tại khuôn viên, đường dạo,.. phục vụ hoạt động du lịch. ( UBND xã xin ý kiến UBND huyện có nguồn thực hiện)	125.150.000	
VI	Ước nộp thuế GTGT 5% và Thuế doanh nghiệp 5%	120.000.000	
VII	Ước nộp ngân sách xã	180.000.000	
<b>Cộng</b>		<b>1.223.500.000</b>	

#### **VI. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH 2024**

Để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2024 cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

##### **1. Về nhiệm vụ thu ngân sách**

Triển khai tổ chức thực hiện tốt Luật ngân sách Nhà nước, các quyết định của UBND tỉnh về phân cấp các nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách trong thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025.

Tăng cường kiểm tra rà soát các nguồn thu trên địa bàn xã; nhất là các khoản thu đầu khoán, công điền, công thổ và các nguồn thu khác, đảm bảo huy động hết các nguồn thu vào ngân sách.

Tích cực khai thác và tìm kiếm, kêu gọi các nguồn vốn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã nhà, đồng thời tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp trên để đầu tư phát triển các chương trình kiên cố hoá trường học, giao thông nông thôn, công trình văn hoá, các công trình tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp trên phê duyệt quy hoạch, thu hồi, chuyển mục đích đất ở tại KDC thôn Triều Dương. Đề nghị cấp trên tháo gỡ vướng mắc trong xử lý đất đồi dư, xem kẹp và truyền truyền nhân dân nộp tiền hợp thức hóa để để lấy nguồn vốn chi cho đầu tư phát triển và xây dựng NTM kiểu mẫu.



Tích cực tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới: Luật NSNN, Luật phí và lệ phí, Luật thuế,... tới cán bộ đảng viên và nhân dân, nhằm nâng cao nghĩa vụ và trách nhiệm của người nộp thuế với Nhà nước.

Đối với hoạt động thu tại Đảo có cần tăng cường giám sát chặt chẽ công tác bảo tồn và bảo quản trang thiết bị phương tiện khi có khách thì quản lý tốt việc thu phí các dịch vụ dịch vụ, đảm bảo thu đúng, thu đủ theo quy định.

## 2. Về nhiệm vụ chi ngân sách

Căn cứ dự toán đã được HDND xã phê duyệt, thực hiện chi theo đúng chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định hiện hành. Đảm bảo chi đúng, chi đủ, chi kịp thời, chi trong dự toán. Tiết kiệm các khoản chi không cần thiết để tập trung ngân sách ưu tiên bố trí nguồn vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án đưa vào sử dụng và các công trình dự án phục vụ xây dựng nông thôn mới Kiểu mẫu và các công trình văn hóa, phúc lợi khác.

Đảm bảo đủ ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động của bộ máy Đảng, chính quyền, đáp ứng các yêu cầu chi về giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng địa phương và hoạt động các đoàn thể trên địa bàn toàn xã. Ngoài ra còn phải chi cho các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế của địa phương năm 2023.

Tiếp tục thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong việc sử dụng ngân sách đối với các đơn vị sử dụng ngân sách xã. Thực hiện công bố công khai số liệu dự toán, quyết toán ngân sách được giao theo đúng quy định

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo thu - chi ngân sách năm 2023; Kế hoạch dự toán thu chi ngân sách năm 2024. UBND xã rất mong nhận được những ý kiến đóng góp xây dựng của các vị đại biểu HDND xã và các đại biểu tham dự kỳ họp để UBND xã hoàn thành nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2024. Góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng của xã theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và nghị quyết HDND xã đề ra.

**Nơi nhận:**

- HDND - UBND huyện;
- TT Đảng uỷ - HDND - UBND xã;
- Đại biểu HDND xã;
- Lưu văn phòng. *KK*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Minh**



**UBND XÃ CHI LĂNG NAM**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐẾN NGÀY 31/12/2023**



DVT: Trđ

Stt	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán/ Khối lượng hoàn thành đến		Vốn đã bố trí/ thanh toán đến	Số vốn còn nợ	Ghi chú
			31/12/2023	31/12/2023			
A	B	1	2	3	4=2-3	5	
1	Cải tạo đường trục thôn Hội Yên	3.356	3.356	2.850	506		
2	Cải tạo đường GTND xã Chi Lăng Nam (GD1)	8.539	8.539	7.200	1.339		
3	Nhà đa năng sân thể thao trường THCS xã	3.601	3.601	2.900	701		
4	Cải tạo Nhà văn hóa thôn An Dương	1.160	1.160	800	360		
5	Cải tạo Nhà văn hóa thôn Hội Yên	1.207	1.207	800	407		
6	Cải tạo Nhà văn hóa thôn Triều Dương	1.177	1.177	800	377		
7	Điểm dân cư TT xã hạng mục: Hoàn thiện HTKT và đầu nối 396	7.115	7.115	7.115	0		
8	Nhà lớp học 3T12P trường TH xã Chi Lăng Nam	9.305	9.305	7.900	1.405		
9	Xây dựng nhà làm việc 1 cửa UBND xã	2.755	2.755	2.250	505		
10	Ao bơi trung tâm xã	2.611	2.611	2.000	611		
11	Cải tạo nâng cấp đường trục thôn Triều Dương	12.813	12.200	9.500	2.700		
12	Sân vận động thể thao trung tâm xã	1.224	1.224	1.000	224		
13	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 3T12P trường THCS xã Chi Lăng Nam	1.526	1.526	1.250	276		
14	Ctr: Xây mới công điều tiết K2 (Cống ống Hồng) trên kênh KT chảy về trạm bơm Mỹ Động xã Chi Lăng Nam	1.183	1.183	1.066	117		



Stt	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán/ Khóit lượng hoàn thành đến 31/12/2023	Vốn đã bố trí/thanh toán đến 31/12/2023	Số vốn còn nợ	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=2-3	5
15	Ctr: Nhà đa năng trường mầm Non	1.214	1.214	1.070	144	
16	Ctr: Sân vận động thể thao trung tâm xã Chi Lăng Nam, hạng mục: Hàng rào, điện chiếu sáng và bãi đỗ xe	1.045	1.045	600	445	
17	Ctr: San lấp ao, vườn cây, xây dựng tường rào và rãnh thoát nước trường THCS xã Chi Lăng Nam	1.220	1.220	600	620	
18	Ctr: Cải tạo, nâng cấp đường GTND xã Chi Lăng Nam	9.520	6.520	2.825	3.695	
19	Ctr: Xây dựng trụ sở làm việc công an cấp xã	4.989	4.989	3.700	1.289	
20	Ctr: Nhà hiệu bộ 2T, móng 3 tầng Trường mầm Non xã	4.625	4.625	1.700	2.925	
<b>TỔNG SỐ</b>		<b>80.184</b>	<b>76.571</b>	<b>57.926</b>	<b>18.646</b>	

Tổng số nợ ghi bằng chữ: Mười tám tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu đồng

KÊ TOÁN

Chi Lăng Nang, ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN